

Bản án số: 209/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung

Bà Lương Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2025, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Triều D, sinh năm 1995; Địa chỉ: Khu dân cư T, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1992; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trần Thị Triều D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/5/2014. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống cùng nhau tại nhà của bố mẹ chồng ở phường C, thành phố C. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Cuối năm 2017, anh T đi lao động tại Hàn Quốc. Vợ chồng chị liên lạc với nhau được

khoảng vài tháng, sau đó anh T tự cắt đứt liên lạc với chị. Chị đã tìm cách liên lạc với anh T nhưng cũng chỉ được một vài lần. Từ năm 2018, vợ chồng chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 13/12/2014 và Vũ Hà A, sinh ngày 14/11/2017, hiện các con đang ở với chị tại phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sau khi ly hôn, chị và anh T thống nhất chị nuôi cháu Vũ Hà A, còn anh T nuôi cháu B. Trong thời gian anh T ở nước ngoài, cháu B vẫn sẽ ở cùng chị. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị D không cung cấp được địa chỉ của anh Vũ Văn T ở Hàn Quốc nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Bà Nguyễn Thị N (là mẹ đẻ anh T) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên, anh T vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Năm 2018 anh T đi Hàn Quốc. Thời gian đầu, anh T và chị D vẫn liên lạc với nhau, sau đó thì không liên lạc nữa. Bà có hỏi lý do và khuyên bảo nhưng hai anh chị đều nói vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nay chị D có đơn xin ly hôn, anh T có quan điểm đồng ý ly hôn chị D. Về con chung: Anh T xin được nuôi con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 13/12/2014 và giao cháu Vũ Hà A, sinh ngày 14/11/2017 cho chị D nuôi dưỡng. Trong thời gian ở nước ngoài, anh T đề nghị Tòa án tạm giao cháu B cho chị D nuôi dưỡng cho đến khi anh về Việt Nam. Chị D không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con, anh nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Trần Thị Triều D vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Vũ Văn T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Triều D được ly hôn anh Vũ Văn T.

Về con chung: Giao cho chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Vũ Hà A, sinh ngày 14/11/2017; giao cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 13/12/2014 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu B cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Vũ Văn T hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị D không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Hàn Quốc. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị D và gia đình anh T cung cấp địa chỉ, nhưng chị D và gia đình anh T không cung cấp được. Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ anh T xác định anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, bà đã thông báo về việc anh T có đơn xin ly hôn, anh T không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Triều D và anh Vũ Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/5/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị D xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Cuối năm 2017, anh T đi lao

động tại Hàn Quốc. Vợ chồng chỉ liên lạc với nhau thời gian ngắn sau đó anh T tự cắt đứt liên lạc với chị. Năm 2018, chị và anh T sống ly thân. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có đơn xin ly hôn. Thông qua gia đình, anh T có quan điểm đồng ý ly hôn chị D. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Do vậy, cần chấp nhận cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 13/12/2014 và Vũ Hà A, sinh ngày 14/11/2017. Hiện nay các con đang ở cùng chị D. Sau khi ly hôn, chị D và anh T thống nhất chị D nuôi cháu Hà A, anh T nuôi cháu B; trong thời gian ở nước ngoài, anh T đề nghị Tòa án tạm giao cháu B cho chị D nuôi dưỡng cho đến khi anh về Việt Nam, chị D đồng ý. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị D.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Triều D ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Triều D được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Hà A, sinh ngày 14/11/2017 và giao cho anh Vũ Văn T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 13/12/2014 kể từ tháng 5/2025 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu B cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Triều D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0005490 ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị D đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Triều D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Vũ Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Chí Minh, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

